TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/DS-PT
Ngày 28 tháng 3 năm 2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*"

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Chuyền

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tú, bà Ngọ Thị Thanh Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đình Sắc- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: ÔNg Nguyễn Văn Dũng- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/3/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2024/TLPT- DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng xây dựng*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2024/DS- ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng (Nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2025/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2025/QĐ-PT ngày 16/01/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2025/QĐPT-DS ngày 10/02/2025, Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 29/2025/TB-TA ngày 09/3/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X là: Ông Nguyễn Văn D - Luật sư Công ty L3 - Đoàn luật sư tỉnh B; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* UBND xã H, thành phố B (Nay là phường H, thành phố B), tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T, chức vụ: Chủ tịch (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Tiến N, sinh năm 1974; địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

+ Ông Đặng Trần T1, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Viết T2, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

+ Ông Phạm Văn C, sinh năm 1957; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

+ Ông Phạm Công T3, sinh năm 1952; địa chỉ: Tổ dân phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (Chết ngày 23/01/2025)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Công T3:

1, Bà Dương Thị N1, sinh năm 1952. Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

2, Chị Phạm Thị H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Tổ dân phố C, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

3, Chị Phạm Thị N2, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

4, Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

5, Chị Phạm Thị T4, sinh năm 1980. Địa chỉ: Tổ dân phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

6, Anh Phạm Văn T5, sinh năm 1982. Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X, bị đơn Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được xác định như sau:

**** Nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh X trình bày:***

Ngày 10 tháng 6 năm 2009 giữa ông và UBND xã H (N là phường H), khi đó ông Đặng Trần T1 làm Chủ tịch UBND có ký kết Bản hợp đồng chỉ định thầu công trình vệ sinh và tường vành lao của trường tiểu học xã H. Theo hợp đồng, UBND phường H giao khoán cho ông thi công các công trình gồm có: Công trình nhà vệ sinh trường tiểu học (gồm khu Trung tâm và khu L) và tường vành lao của trường tiểu học. Tại hợp đồng đã ghi rõ về quyền và trách nhiệm của mỗi bên. Thời gian thi công các công trình từ tháng 6/2009 và kết thúc vào tháng 8/2009. Sau khi hoàn thành các công trình và nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thì UBND phường H sẽ thanh toán toàn bộ tiền công trình cho ông bằng tiền mặt. Kèm theo hợp đồng thì UBND phường H có giao cho ông bản dự toán của các công trình.

Sau khi ký kết hợp đồng ông đã thuê nhân công và mua nguyên vật liệu để thi công công trình theo đúng hợp đồng đã ký kết với UBND phường H. Trong quá trình ông thi công các công trình thì ông Nguyễn Xuân V - bí thư Đảng ủy phường H bảo ông sửa chữa hội trường, các phòng làm việc khu vực UBND phường H. Đối với hạng mục thi công này thì đại diện ủy ban nhân phường ông T1 và ông chỉ thống nhất miệng với nhau mà không làm Bản hợp đồng chỉ định thầu như trước. Đến tháng 8/2009 ông hoàn thành tất cả các công trình theo hợp đồng chỉ định thầu và thỏa thuận miệng về việc sửa chữa hội trường, các phòng làm việc khu vực UBND phường H. Đến ngày 25/9/2009 sau khi ông hoàn thành tất cả các hạng mục thi công thì giữa ông và UBND phường H có lập 04 biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng. Cụ thể:

1. Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc xây dựng nhà vệ sinh và trường Tiểu học cơ sở xã H Công trình xây dựng nhà vệ sinh trường tiểu học xã H với giá trị hợp đồng là 215.784.200 đồng (Hai trăm mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi bốn ngàn hai trăm đồng).

2. Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc sửa chữa hội trường và các phòng làm việc khu vực Ủy ban nhân dân xã H, với giá trị công trình là 46.223.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu hai trăm hai mươi ba ngàn đồng).

3. Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc xây nhà vệ sinh trường tiểu học K, H với giá trị công trình là 99.748.500 đồng (Chín mươi chín triệu bẩy trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm đồng).

4. Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng hạn mục xây tường vành lao tường sau nhà để xe cho giáo viên và tường đầu bờ hồ truyền thống, trường Tiểu học H với giá trị công trình là 53.152.200 đồng (Năm mươi ba triệu một trăm năm mươi hai ngàn hai trăm đồng).

Sau khi nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ông đã nhiều lần yêu cầu UBND phường H thanh toán toàn bộ tiền thi công công trình theo hợp đồng chỉ định thầu và

thỏa thuận miệng sửa chữa các công trình tại UBND phường H. Tuy nhiên qua nhiều đời Chủ tịch UBND phường H đến nay đều lấy lý do chưa có kinh phí để thanh toán tiền cho ông.

Nay, ông đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là thành phố B) giải quyết buộc UBND phường H, do ông Nguyễn Văn T trả cho ông tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng chỉ định thầu và hợp đồng thỏa thuận miệng thi công công trình tại UBND phường H tổng số tiền là 414.907.900 đồng (Bốn trăm mười bốn triệu chín trăm linh bảy ngàn chín trăm đồng).

Ông yêu cầu UBND phường H thanh toán khoản tiền lãi phát sinh từ tiền giá trị các công trình do chậm trả trong thời gian 14 năm (từ 25/9/2009 đến 25/9/2023) với mức lãi suất 20%/ năm, cụ thể số tiền lãi là 1.161.742.000 đồng.

**** Bị đơn là Ủy ban nhân dân xã H nay phường H, do ông Nguyễn Văn T đại diện theo pháp luật trình bày***: Ông làm Chủ tịch UBND phường H từ tháng 6/2020 đến nay. Khi ông làm Chủ tịch UBND xã H thì không được đồng chí Nguyễn Tiến N, chủ tịch UBND xã H thời điểm trước ông bàn giao về khoản nợ của UBND xã H đối với ông Nguyễn Thanh X. Tuy nhiên, ông có nghe nói trước đây ông Nguyễn Thanh X có xây dựng và sửa chữa một số công trình của trường tiểu học phường H và xây dựng sửa chữa hội trường và nhà vệ sinh của UBND phường H. Cụ thể về việc ký kết hợp đồng xây dựng giữa các bên như thế nào, việc thanh lý hợp đồng cũng như số tiền mà UBND phường H nợ ông Nguyễn Thanh X bao nhiêu thì ông không nắm được. Đối với việc khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X đòi UBND phường H, do ông đại diện phải trả tổng số tiền là 1.576.649.900 đồng (trong đó là 414.907.900 đồng tiền gốc, tiền lãi phát sinh từ tiền giá trị các công trình do chậm trả từ ngày 25/9/2009 đến ngày 25/9/2023 là 1.161.742.000 đồng) thì ông không nhất trí vì ông thấy chưa có đủ cơ sở để UBND phường nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông X.

Lý do ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông X là vì:

Thứ nhất, khi ông làm Chủ tịch UBND phường H thì không được đồng chí chủ tịch phường H thời điểm trước ông là ông Nguyễn Tiến N bàn giao số tiền nợ của ông X.

Thứ hai, hiện nay UBND phường H cũng không còn lưu trữ bất cứ hồ sơ hay tài liệu gì thể hiện việc giữa UBND phường H và ông Nguyễn Thanh X có ký kết hợp đồng xây dựng hay biên bản thanh lý hợp đồng.

Thứ ba, thực tế hiện nay thì các công trình mà ông X trình bày đã sửa chữa và xây dựng theo hợp đồng chỉ định thầu với UBND phường H không còn bất cứ công trình xây dựng nào.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đặng Trần T1 trình bày**:* Ông làm chủ tịch UBND phường Hương Gián từ tháng 6 năm 2009, đến khoảng tháng 6 năm 2011 thì ông chuyển công tác sang làm Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phường H. Ông làm phó chủ tịch Hội đồng nhân dân phường H đến hết năm 2016 thì ông nghỉ chế độ hưu.

Khoảng năm 2009, UBND phường H có kế hoạch sửa chữa công trình hội trường UBND phường để chuẩn bị đại hội Đảng bộ và sửa chữa Trường tiểu học phường H. Lúc này ông đang làm Chủ tịch UBND phường H. Vì vậy, UBND phường đã thành lập tổ công tác để đi khảo sát các công trình cũng như hạng mục cần sửa chữa.Tổ công tác gồm: Ông Nguyễn Viết T2 - Phó chủ tịch UBND phường H làm tổ trưởng; ông Phạm Công T3- Cán bộ địa chính xây dựng, làm tổ phó; ông Phạm Thế V1 - Kế toán, tài chính, làm thành viên; ông Phạm Văn C - Chủ tịch MTTQ làm thành viên; ông Nguyễn Văn B - Bí thư thanh niên đoàn làm thành viên; bà Nguyễn Thị H2 - chủ tịch Hội phụ nữ, làm thành viên; ông Ngô Sỹ T6 – Chủ tịch hội C2, làm thành viên. Việc thành lập tổ công tác này cũng không làm văn bản gì mà chỉ họp phân công, có ghi vào sổ sách không thì ông không nhớ.

Trong những người trên ông giao cho ông T2 tổ trưởng chịu trách nhiệm lên dự toán, tìm thợ, đi kiểm tra thực tế để thống nhất duyệt dự toán, sau báo cáo ông nhất trí thì làm. Lúc đó ông Nguyễn Thanh X là thợ xây thôn D có đặt vấn đề với tổ công tác làm các công trình như trên và bàn bạc với tổ công tác, đi khảo sát và lập dự toán các công trình cần sửa chữa và đưa giá cả để tổ công tác họp bàn và thống nhất. Ông đã nhất trí cho ông Nguyễn Xuân L, giao cho tổ giám sát theo dõi.

Sau khi thống nhất với phương án và giá cả sửa chữa xây dựng công trình thì giữa UBND phường H và ông Nguyễn Thanh X thoả thuận với nhau về việc ông X sẽ chịu trách nhiệm sửa chữa các công trình hội trường UBND xã và Trường tiểu học phường H. Giữa UBND phường và ông X chỉ thoả thuận miệng với nhau không lập văn bản hợp đồng gì. Thời hạn tiến hành thi công khoảng vài tháng, từ tháng 6/2009 đến gần cuối năm 2009.

Do đã nhiều năm nên ông không nhớ các bên thoả thuận cụ thể những nội dung gì. Sau khi ông X hoàn thành các công trình theo thoả thuận với UBND phường H thì các bên mới lập biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình. Các biên bản này đều do ông Xuân G. Sau khi hoàn thành các công trình xây dựng ông X cũng không làm các thủ tục để gửi kế toán xã làm hồ sơ thanh toán công xây dựng nên UBND phường H cũng chưa thanh toán được tiền công trình sửa chữa cho ông X.

Năm 2011 ông chuyển công tác sang làm Phó Chủ tịch HĐND phường H ông cũng không bàn giao khoản nợ tiền xây dựng năm 2009 của ông X cho ông Nguyễn Tiến N, chủ tịch mới mà chỉ bàn giao chức vụ và con dấu cho ông Nguyễn Tiến N

thôi. Lý do ông không bàn giao là vì khi ông X làm xây dựng cho Ủy ban thì giữa hai bên chưa làm hợp đồng xây dựng, chưa làm hồ sơ gì cả. Chỉ thỏa thuận miệng với nhau thôi nhưng thực tế ông X có làm xây dựng như ông X trình bày là đúng. Sau khi ông X hoàn thành các công trình, khi ông làm Chủ tịch thì ông X có đòi Ủy ban thanh toán nhưng chỉ đòi miệng thôi, chứ không làm văn bản gì cả. Đến năm 2016 khi ông nghỉ công tác tại UBND phường H và sau này ông X có đòi Ủy ban nhân dân phường do các đời chủ tịch mới tiếp quản nhiều lần nhưng do ủy ban nhân dân xã không được bàn giao nên không trả cho ông X.

Toà án cho ông tiếp cận Bản hợp đồng chỉ định thầu công trình vệ sinh và tường vành lao của Trường tiểu học xã H; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học khu Lạc Gián, H; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng hạng mục xây dựng tường vành lao tường sau nhà để xe cho giáo viên và tường đầu bờ hồ truyền thống, trường tiểu học H; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học phường H; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc sửa chữa hội trường + các phòng làm việc khu vực UBND phường H do ông Nguyễn Thanh X giao nộp cho Toà án, các văn bản này ông đều ký, có chữ ký của ông là đúng.

Hợp đồng chỉ định thầu công trình vệ sinh và tường vành lao của Trường tiểu học phường H trên và các biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng trên (bản ông X cung cấp cho Tòa án) do ông Nguyễn Thanh X lập sẵn đem đến gia đình ông khoảng cuối năm 2023 nhờ ông ký nên ông ký, ông ký vì đây là người thật việc thật, ông X có làm công trình và nghiệm thu như vậy là đúng sự thật. Thực tế năm 2009 ông Nguyễn Thanh X có nhận sửa chữa các hạng mục theo thoả thuận với UBND phường H như ông X trình bày là đúng.

Nay, ông Nguyễn Thanh X khởi kiện yêu cầu UBND phường H do ông Nguyễn Văn T đại diện phải trả cho ông X tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng chỉ định thầu và hợp đồng thỏa thuận miệng thi công công trình tại UBND phường H tổng số tiền là 414.907.900 đồng và tiền lãi phát sinh từ tiền giá trị các công trình do Ủy ban nhân dân phường H chậm trả trong thời gian 14 năm (từ 25/9/2009 đến 25/9/2023) với mức lãi suất 20%/ năm số tiền lãi là 1.161.742.000 đồng thì ông có ý kiến về tiền gốc xây dựng công trình là đúng, đề nghị Tòa chấp nhận cho ông X. Về tiền lãi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn C trình bày*:** Ông làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường H từ năm 2007 đến năm 2017 thì ông nghỉ.

Khoảng năm 2009, UBND phường H có kế hoạch sửa chữa công trình hội trường UBND xã để chuẩn bị đại hội Đảng bộ và sửa chữa Trường tiểu học phường H.

Lúc này ông đang làm Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc phường H. UBND phường H thoả thuận thuê ông Nguyễn Thanh X sửa chữa xây dựng công trình của UBND phường và Trường tiểu học phường H. Sau đó UBND phường H đã thành lập tổ giám sát thực hiện nhiệm vụ giám sát các công việc sửa chữa và xây dựng của bên ông X thực hiện. Lúc đó giữa UBND phường H và ông Nguyễn Thanh X có lập hợp đồng xây dựng, ông X giữ 01 bản và UBND phường Hương Gián giữ 01 bản. Do đã nhiều năm nên tôi không nhớ nội dung cụ thể trong hợp đồng gì. Sau khi ông X hoàn thành các công trình theo thoả thuận với UBND phường H thì các bên có lập biên bản nghiệm thu và bàn giao công trình, mỗi bên giữ 01. Các bên nghiệm thu và bàn giao công trình từ thời gian nào thì ông không nhớ vì đã lâu rồi. Sau khi hoàn thành các công trình xây dựng UBND phường H đã thanh toán tiền cho ông X chưa thì ông không biết và không phải là công việc ông phụ trách.

Toà án cho ông tiếp cận Bản hợp đồng chỉ định thầu công trình vệ sinh và tường vành lao của Trường tiểu học xã H; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học khu Lạc Gián, H; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng hạng mục xây dựng tường vành lao tường sau nhà để xe cho giáo viên và tường đầu bờ hồ truyền thống, trường tiểu học H; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học xã H; Biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng về việc sửa chữa hội trường + các phòng làm việc khu vực UBND phường H do ông Nguyên Thanh X giao nộp cho Toà án. Thì đây là hợp đồng và các biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng do ông Nguyễn Thanh X lập sẵn đem đến gia đình ông khoảng cuối năm 2023 nhờ ông ký vào do UBND phường H chưa thanh toán tiền xây dựng cho ông X. Do thực tế năm 2009 ông Nguyễn Thanh X có nhận sửa chữa các hạng mục theo thoả thuận với UBND phường H và ông nằm trong tổ giám sát công trình tôi biết sự việc nên ông mới ký vào. Còn thực tế hạng mục mỗi công trình bao nhiêu tiền thì ông không nhớ do đã nhiều năm rồi. Thực tế đối với công trình xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học khu L, H thì khi đó ông Nguyễn Thanh X đang làm thì bỏ dở không làm nữa, sau này phụ huynh học sinh đóng góp để hoàn thiện công trình này.

Nay, ông X khởi kiện yêu cầu UBND phường H trả cho ông X tiền chưa thanh toán theo Hợp đồng chỉ định thầu và hợp đồng thỏa thuận miệng thi công công trình tại UBND phường H tổng số tiền là 414.907.900 đồng và tiền lãi phát sinh từ tiền giá trị các công trình do Ủy ban nhân dân phường H chậm trả trong thời gian 14 năm (từ 25/9/2009 đến 25/9/2023) với mức lãi suất 20%/ năm số tiền lãi là 1.161.742.000 đồng thì ông có ý kiến đề nghị Toà án xem xét giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích cho ông X vì thực tế năm 2009 ông X có sửa chữa xây dựng các công trình theo thoả thuận với UBND phường H.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tiến N trình bày**:* Năm 2009, ông làm Phó Chủ tịch UBND phường H, thời điểm này ông Đặng Trần T1 làm Chủ tịch UBND phường. Đến ngày 22/9/2010 thì ông được bổ nhiệm là Chủ tịch UBND phường H. Khi ông làm Chủ tịch UBND phường thì ông T1 có bàn giao các công việc khác có trong sổ sách và bàn giao con dấu cho ông chứ không có việc bàn giao công nợ của ông Nguyễn Thanh X xây dựng công trình vệ sinh Trường tiểu học phường H, sửa chữa hội trường, phòng làm việc của UBND phường, nhà vệ sinh trường tiểu học K, H. Nên việc ông Đặng Trần Trung đại D1 UBND phường ký hợp đồng với ông Nguyễn Thanh X về việc chỉ định thầu công trình vệ sinh, tường vành lao của trường tiểu học phường H năm 2009 thì ông không được biết. Tuy nhiên, sau này khi ông làm Chủ tịch thì ông Nguyễn Thanh X có đến UBND phường gặp ông và đề nghị thanh toán tiền theo hợp đồng chỉ định thầu công trình vệ sinh và tường vành lao trường tiểu học phường H với ông Đặng Trần T1. Ông X có đến nhiều lần nhưng Ủy ban không thể thanh toán được cho ông X vì không bất cứ tài liệu hồ sơ nào về việc chỉ định thầu giữa UBND phường H với ông X.

Khoảng năm 2018, ông với tư cách là Chủ tịch UBND phường H có tổ chức buổi làm việc gồm các thành phần: Ông là Chủ tịch UBND phường, ông Nguyễn Xuân V là Bí thư đảng ủy, Chủ tịch HĐND phường, ông Trần Giang L1 là cán bộ kế toán tài chính, ông Hà Ngọc S là công chức địa chính xây dựng, ông Đặng Trần T1- Nguyên Chủ tịch phường năm 2009, ông Phạm Thế V1 là cán bộ kế toán thời điểm năm 2009, ông Phạm công T3- Cán bộ giao thông thủy lợi xây dựng thời điểm năm 2009 để xác nhận rõ ông X có xây dựng cho UBND phường gồm công trình vệ sinh trường tiểu học H tại Trường tiểu học V lẻ thôn D. Tòa án cho ông tiếp cận bản hợp đồng chỉ định thầu công trình vệ sinh và tường vành lao của trường tiểu học phường H thì ông xác định đây là việc của ông Đặng Trần T1 và ông Nguyễn Thanh X. Bản hợp đồng chỉ định thầu giữa ông T1 và ông X chỉ có ông Trung đại D1 bên A ký và ông X đại diện bên B ký không đóng dấu đỏ của UBND phường với chữ ký của ông T1. Ông khẳng định thời điểm năm 2009 ông T1 làm Chủ tịch U có ký hợp đồng chỉ định thầu xây dựng công trình vệ sinh và tường vành lao của Trường tiểu học phường H với ông nguyễn Thanh X và trên thực tế ông Nguyễn Thanh X có xây dựng công trình theo hợp đồng chỉ định thầu. Về yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X thì ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Viết T2 trình bày**:* Ông làm Phó Chủ tịch UBND phường H từ năm 2008 đến năm 2015 thì ông về nghỉ hưu. Năm 2009, UBND phường H có kế hoạch sữa chữa một số công trình của UBND phường, một số công trình Trường tiểu học phường H và Trường tiểu học K. Ông Nguyễn Thanh X là chủ tịch thầu xây dựng tại địa phương nhận xây dựng sửa chữa công trình của UBND phường H. Giữa UBND phường H do ông Đặng Trần T1

làm chủ tịch và ông Nguyễn Thanh X có ký kết bản hợp đồng chỉ định thầu công trình vệ sinh và tường vành lao của trường Tiểu học phường H ngày 10/06/2009. Bản hợp đồng chỉ định thầu này do ông trực tiếp viết tay để ông Trung đại diện UBND phường H ký với ông Nguyễn Thanh X. Sau khi ông viết xong bản hợp đồng chỉ định thầu thì photo thành 01 bản nữa, các bên thông qua nội dung hợp đồng và ký vào bản hợp đồng. Nội dung hợp đồng chỉ định thầu là UBND phường H giao khoán công trình vệ sinh Trường tiểu học (gồm khu Trung tâm và khu L) và tường vành lao của T7 tiểu học. Thời gian tiến hành thi công là từ tháng 6/2009 kết thúc tháng 8/2009. Hai bên thống nhất sau khi hoàn thành công trình UBND phường sẽ thanh toán 100% bằng tiền mặt. Bản hợp đồng này do ông X giữ 01 bản và UBND phường Hương Gián giữ 01 bản. UBND phường H do ông Đặng Trần T1 là Chủ tịch đã thành lập tổ giám sát gồm có ông P Chủ tịch, ông Phạm Công T3- Cán bộ giao thông thủy lợi, ông Phạm Thế V1- Cán bộ tài chính kế toán, ông Ngô sỹ T6- Chủ tịch hội C2 (nay ông T6 đã chết). Tổ giám sát có nhiệm vụ giám sát đôn đốc việc kiểm tra và xây dựng, sửa chữa công trình do ông X làm.

Sau khi ký hợp đồng chỉ định thầu ông X cho thợ tiến hành xây dựng mới khu vệ sinh trường tiểu học L và khu vệ sinh khu lạc gián, xây dựng mới đường vành lao trường tiểu học H và nền để xe của giáo viên. Sau khi ông X hoàn thiện các công trình này thì tổ giám sát và ông X có lập biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, giá trị của công trình theo thỏa thuận ban đầu giữa hai bên. Cụ thể bao nhiêu tiền thì ông không nhớ đã nhiều năm rồi. Tổ giám sát và ông Đặng Trần T1 ký nhận bên đại diện Bên A và các thành phần khác, ông Nguyễn Thanh X ký đại diện Bên B. Tuy nhiên do khi đó UBND phường H không có tiền nên sau khi nghiệm thu và thanh lý hợp đồng vẫn chưa trả được tiền cho ông X.

Đến khoảng năm 2010, UBND phường H thuê ông X sửa chữa một số công trình và xây mới nhà vệ sinh của UBND phường, cụ thể sửa phòng Chủ tịch phường, sửa hộ trường phường và xây nhà vệ sinh chung của UBND phường. Khi xây dựng và sửa chữa các công trình này thì giữa UBND phường và ông X chỉ hợp đồng miệng với nhau và khi ông X hoàn thành công trình các bên cũng chỉ nghiệm thu và bàn giao miệng mà không lập biên bản gì. Cụ thể về giá trị sửa chữa xây dựng công trình tại UBND phường H thì ông không nhớ. Sau khi ông X xây dựng và sửa chữa xong công trình này thì UBND phường H cũng chưa có tiền để trả cho ông X. Đến trước khi ông nghỉ hưu thì UBND phường H cũng chưa trả được tiền cho ông X. Từ năm 2015 sau khi ông nghỉ hưu thì UBND phường H đã trả tiền công xây dựng cho ông X chưa thì ông không nắm được.

Tòa án cho ông tiếp cận 04 biên bản nghiệm thu và thanh toán ký hợp đồng do ông X giao nộp thì ông khẳng định các biên bản này không phải lập sau khi hoàn thành công trình mà khoảng cuối năm 2023 ông Xuân L2 mang đến gia đình ông bảo

ký. Do thực tế năm 2009-2010 ông X có trực tiếp xây dựng, sửa chữa các công trình trên nên ông mới ký vào bên các thành phần khác, còn giá trị các công trình ông X trong biên bản nghiệm thu và thanh lý thì ông không biết rõ là bao nhiêu năm rồi.

Nay, ông X khởi kiện yêu cầu UBND phường H thanh toán tổng số tiền 1.576.649.000 đồng, trong đó gồm 414.907.000 đồng là tiền công xây dựng các công trình và tiền lãi tình từ ngày 25/09/2009 đến ngày 25/09/2023 là 1.161.742.000 đồng thì ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết và đảm bảo quyền lợi cho ông X vì thực tế ông X có xây dựng và sửa chữa công trình trên cho UBND phường H. Tuy nhiên, hiện nay tất cả các công trình ông X sửa chữa đã không còn tồn tại.

Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án còn thu thập tài liệu chứng cứ sau:

Tại Biên bản làm việc với ông Nguyễn Văn B, ông B trình bày: Từ ngày 04/06/2020, ông làm Phó Chủ tịch phường H đến nay. Việc ông Đặng Trần T1 trình bày thời điểm UBND phường H ký hợp đồng chỉ định thầu năm 2009 với ông Nguyễn Thanh X thì ông làm Bí thư đoàn phường là không đúng vì tôi làm Bí thư đoàn phường từ ngày 22/07/2010. Ông Đặng Trần T1 trình bày thời điểm ký hợp đồng chỉ định thầu với ông X, ông có nằm trong tổ giám sát việc xây dựng các công trình là không đúng vì ông không nằm trong tổ giám sát xây dựng khi nào. Do vậy, ông cũng không nắm được sự việc này và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X.

Tại biên bản làm việc với ông Phạm Thế V1, ông V1 trình bày: Ông làm cán bộ công chức tài chính kế toán của UBND phường H từ năm 1995 đến tháng 01/2016 thì ông có quyết định nghỉ hưu. Thời điểm năm 2009 khi ông Đặng Trần T1 làm Chủ tịch UBND phường H thì ông T1 có thành lập ban giám sát cộng đồng để giám sát các công trình tu sửa giữa UBND phường và trường tiểu học H, trong đó có ông. Việc thành lập ban giám sát này chỉ họp giao ban phân công bằng miệng, chứ không bằng văn bản gì cả. Ông Nguyễn Viết T2 - Phó Chủ tịch làm tổ trưởng, ông Phạm Công T3 cán bộ xây dựng làm tổ phó và một thành viên ở các ban ngành toàn thể phường làm thành viên.

Thời điểm đó ông T1 - Đại diện UBND phường có ký hợp đồng thầu tu sửa UBND phường và một số hạng mục của trường tiểu học H với ông Nguyễn Thanh X để ông X sửa chữa theo dự toán giữa UBND phường ông X đã thống nhất. Tuy nhiên, lúc đó giữa ông T1 và ông X có ký hợp đồng với nhau hay không hay chỉ nói miệng thì ông không rõ, nhưng ông nghe thông tin là không ký hợp đồng mà chỉ nói miệng với nhau. Nhưng ông khẳng định ông X có thực thi làm công trình như đã thống nhất với UBND phường H do ông Trung đại D1 theo pháp luật. Việc ký hợp đồng mục sửa chữa cụ thể thì ông trong ban giám sát không nắm được cụ thể. Ban

giám sát thực hiện việc giám sát có đúng với dự toán không nhưng bản thân ông không giám sát gì cả. Nên việc ông X thực hiện công trình như thế nào ông không nắm được cụ thể, chỉ biết ông X có thực hiện công trình như đã thống nhất với Ủy ban.

Tòa án cho ông tiếp cận bản hợp đồng chỉ định công trình vệ sinh và tường vành lao trường tiểu học phường Hương gián ngày 10/06/2009 thì ông khẳng định việc văn bản này ký sau, chứ không phải văn bản ký năm 2009. Trong văn bản hợp đồng này ông Đặng Trần T1 ký đại diện UBND phường H thời điểm 2009 là đúng, mặc dù bản hợp đồng không có đóng dấu mà chỉ có chữ ký nhưng ông khẳng định ông Trung đại diện UBND phường đã ký, do hợp đồng ký sau nên không có dấu đóng.

Sau khi ông X làm xong, lúc này ông T1 vẫn làm chủ tịch nhưng giữa các bên không có hồ sơ thanh quyết toán, cũng như các tài liệu ký sửa chữa, không có dự toán liên quan đến việc xây dựng sửa chữa của ông X với UBND phường H. Ông làm kế toán chưa bao giờ thanh quyết toán với ông X. Vì không có tài liệu, hồ sơ liên quan đến việc xây dựng giữa UBND phường H với ông X nên ông không có gì để cung cấp cho Tòa án được.

Sau thời điểm ông X làm xong công trình, ông X cũng lên UBND phường H do các đời Chủ tịch khác nhau để đòi công nợ nhưng không được chi trả bao giờ vì không có hồ sơ thanh quyết toán gì.

Tại Biên bản làm việc với bà Nguyễn Thị H2, bà H2 trình bày: Bà là Chủ tịch Hội phụ nữ phường H từ năm 2006 đến năm 2017 thì bà có quyết định nghỉ hưu và chuyển công tác làm Chủ tịch hội người cao tuổi đến nay. Thời điểm năm 2009, bà không được cử làm thành viên của ban giám sát nào của UBND phường H. Mãi sau này khoảng năm 2012-2013 khi xây dựng mới Trường tiểu học H thì bà mới được cử làm thành viên bán giám sát xây dựng công trình Trường Tiểu học phường H. Khi tôi làm thành viên Ban giám sát xây dựng trường tiểu học H thì chủ thầu là người thành phố Bắc Giang chứ không phải là ông Nguyễn Thanh X, không liên quan gì đến ông X. Do vậy năm 2009 ông X có sửa chữa hay xây dựng trường tiểu học thì bà không nắm được gì để cung cấp thông tin cho Tòa án.

Ngoài ra, Tòa án còn làm việc với ông Giáp Văn C1 là Hiệu trưởng Trường tiểu học H năm 2009: Ông C1 cho biết năm 2009 ông có làm Hiệu trưởng Trường tiểu học H, tuy nhiên ông không nhớ năm 2009 ông Nguyễn Thanh X có làm công trình gì ở Trường hay không vì thời gian quá lâu. Do vậy, ông không có gì để trình bày cho Tòa án.

Với nội dung trên, Bản án dân sự số 30/2024/DS- ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng (Nay là Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang) đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 400, 401 Bộ luật dân sự; Điều 107, 108 Luật xây dựng năm 2003; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X: Buộc UBND xã H (Nay là phường H) do ông Nguyễn Văn T đại diện phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh X số tiền nợ theo bản hợp đồng chỉ định thầu công trình vệ sinh và tường vành lao của Trường tiểu học xã H ngày 10/6/2009 và hợp đồng thỏa thuận miệng về việc sửa chữa hội trường, các phòng làm việc khu vực UBND phường H số tiền là 414.871.900 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh X về việc buộc UBND xã H (nay là phường H) do ông Nguyễn Văn T đại diện phải trả ông số tiền lãi chậm trả (từ 25/9/2009 đến 25/9/2023) là 1.156.994.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 18/10/2024, nguyên đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án theo hướng buộc UBND phường H trả ông số tiền lãi chậm trả từ ngày 25/9/2009 đến ngày 25/9/2023 là 1.156.994.000 đồng.

Ngày 04/11/2024, bị đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Nguyên đơn trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày luận cứ và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X.

+ Bị đơn do ông T đại diện trình bày: UBND phường H thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm. Không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới. Không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Ông T xác định có việc ông X thi công các công trình cho Ủy ban nhân dân phường H vào năm 2009 như ông X trình bày, ông X có đến buổi tiếp xúc cử tri để yêu cầu Ủy

ban nhân dân phường thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông X. Tuy nhiên việc thanh toán tiền như thế nào thì ông không nắm được. Khi ông T làm Chủ tịch thì không được bàn giao khoản nợ này nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông X.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thư ký, HĐXX đã thực hiện đúng, đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 30/2024/DS-ST ngày 04/10/2024 của Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng (Nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang.

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X được miễn án phí DSPT.

Bị đơn UBND phường H phải chịu án phí DSPT.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm việc vắng mặt lần thứ hai của một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiếp tục tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, HĐXX thấy:

[2.1] Về nội dung án:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thanh X yêu cầu UBND phường H trả số tiền thi công các công trình 414.871.900 đồng, HĐXX thấy: Thời điểm năm 2009, ông T1 làm Chủ tịch, đại diện cho ủy ban nhân dân xã H (Nay là phường H). Theo lời khai, lời trình bày của của các đương sự thì xác định được năm 2009, ông X có làm các công trình tại Ủy ban nhân dân phường H, Trường tiểu học K, khu L như hợp đồng chỉ định thầu ngày 10/6/2009 và hợp đồng thỏa thuận miệng là đúng. Ngoài ra, phía ông N thời điểm làm chủ tịch năm 2010 (sau thời điểm ông T1 làm Chủ tịch) cũng thừa nhận năm 2009, ông T1 làm Chủ tịch có ký hợp đồng chỉ định thầu công trình vệ sinh và tường lao của Trường tiểu học phường H là đúng. Ông T đại diện Ủy ban nhân dân phường H cũng xác định có việc ông X thi công các công trình cho Ủy ban nhân dân phường H vào năm 2009 như ông X trình bày, ông X có đến buổi tiếp xúc cử tri để yêu cầu Ủy ban nhân dân phường thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông X.

Bên cạnh đó, ban đầu các bên đều khai công trình ông X làm năm 2009 đến nay không còn tồn tại, tuy nhiên các lời khai sau này đều thừa nhận có một số công công trình tại Trường tiểu học phường H thời điểm năm 2009 còn tồn tại. Tòa án đã

tiến hành thẩm định các công trình mà ông X đã thi công, kết quả thẩm định tại Trường tiểu học phường H cho thấy có 01 bức tường phía sau nhà để xe của giáo viên có chiều dài 8,3m, chiều cao 2,89m, tường xây bằng gạch chỉ A1, chát vữa, xi măng, quét ve và 01 tường vành lao Trường T8 với nhà truyền thống, tường có hình chữ L, tường xây bằng vữa xi măng quét vôi ve có chiều dài 22,17m, có chiều cao 1,83m ông X làm đến nay còn tồn tại.

Do vậy, có căn cứ xác định ông X có làm các công trình cho Ủy ban nhân dân phường theo Hợp đồng thỏa thuận về việc sửa chữa một số hạng mục, hội trường, các phòng làm việc khu vực UBND phường H như ông X trình bày là có thật.

Theo các biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thì thấy ban giám sát gồm ông T3, ông T2, ông C đều đã ký nghiệm thu thanh lý hợp đồng. Ông T1 cho rằng biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng xây dựng nhà vệ sinh trường Tiểu học khu Lạc Gián, Hương Gián chưa xong, chưa thanh lý, tuy nhiên ông lại thừa nhận có ký biên bản nghiệm thu và thanh lý này. Phía ông C xác định đã thanh lý rồi. Ban giám sát còn có ông ông T3, ông T2 cũng ký vào biên bản thanh lý thể hiện đã thừa nhận việc thanh lý, nghiệm thu là đúng. Ông X yêu cầu UBND phường H trả số tiền thi công các công trình là 414.871.900 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu tiền lãi: Ông X yêu cầu UBND phường H phải trả tiền lãi do chậm thực hiên nghĩa vụ thanh toán trong thời gian 14 năm (từ 25/9/2009 đến 25/9/2023) với mức lãi suất 20%/ năm trên số tiền 414.871.900 đồng, cụ thể là 1.156.994.000 đồng. HĐXX xét thấy Hợp đồng chỉ định thầu ghi thời hạn trả là khi các thủ tục hồ sơ thanh toán hai bên đã hoàn tất, tuy nhiên theo tài liệu chứng cứ do ông X cung cấp và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thì xác định hồ sơ thanh toán giữa hai bên chưa hoàn tất. Các bên cũng không thỏa thuận thời hạn thanh toán là khi nào. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của ông X.

Bản án sơ thẩm tuyên buộc UBND xã H, huyện Y (N là phường H, thành phố B) phải thanh toán cho ông Nguyễn Thanh X số tiền 414.871.900 đồng và không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thanh X về việc buộc UBND phường H trả số tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán là 1.156.994.000 đồng là đúng.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên buộc UBND phường H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng phần yêu cầu khởi kiện của ông X được chấp nhận; ông X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nhưng được miễn vì là người cao tuổi là có căn cứ.

[2.2] Từ những phân tích, nhận định trên đây, ông Nguyễn Thanh X kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông X và Ủy ban nhân dân xã H (Nay là phường H) kháng cáo đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ để chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số

30/2024/DS- ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng (nay là thành phố B) như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông X và UBND phường H phải án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án, nhưng ông X được miễn vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ Luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh X và Ủy ban nhân dân xã H (Nay là phường H), giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 30/2024/DS- ST ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Yên Dũng (Nay là thành phố B), tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Thanh X.

- U phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0005415 ngày 06/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Dũng (Nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang), tỉnh Bắc Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Toà án nhân dân TP. Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP. Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HS; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Chuyền